TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 864/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thuần Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Trọng Thắng;

2. Ông Nguyễn Như Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 387/2018/TLST-HNGĐ ngày 30/05/2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 358/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Việt Loan A, sinh năm 1980; địa chỉ: Đường L, tổ M, khu phố H, phường T, quận C, Tp. HCM; tạm trú: Đường T, phường F, quận T, Tp. HCM (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Đường N, khu phố H, phường Q, quận B, Tp. HCM (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/5/2017, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đặng Việt Loan A trình bày:

Bà và ông T qua thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số 121/2015, Quyển số 01/2015 ngày 19/11/2015 đăng ký tại UBND phường Q, quận B).

Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên bà đã dọn về nhà mẹ ruột của mình sống từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, không ai quan tâm

đến ai, mạnh ai người đó sống, vợ chồng không thể hàn gắn với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 30/10/2018, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông không đồng ý ly hôn với bà Đặng Việt Loan A, ông và bà Loan A sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, việc tiến hành tố tụng, triệu tập người tham gia tố tụng, thẩm quyền giải quyết đúng theo quy định; xác định tư cách đương sự đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc tiến hành thu thập chứng cứ, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát phù hợp quy định pháp luật.

Đối với đương sự: nguyên đơn thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định, vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập, hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, không giao nộp chứng cứ cho Tòa án theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo các quy định pháp luật.

Về nội dung: Theo tài liệu chứng cứ các bên cung cấp, Tòa án thu thập được cũng như lời trình bày của bà A, ông T; nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ông T, bà A đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ông T, bà A được ly hôn.

Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên đơn bà A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, bị đơn cư trú tại Đường N, khu phố H, phường Q, quận B, Tp. HCM, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về hình thức:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Bà Đặng Việt Loan A và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số 121/2015, Quyển số

01/2015 ngày 19/11/2015 đăng ký tại UBND phường Q, quận B) đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vì vậy được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Về yêu cầu ly hôn của bà A, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn, thì bà A và ông T chung sống với nhau không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, kéo dài; nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn yêu thương, quan tâm đến nhau; cả hai sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Tại văn bản xác minh tại Hội Phụ nữ phường Q, Quận B xác định:

"1. Bà A và ông T trong quá trình chung sống tại địa phương có mâu thuẫn, cãi vã tuy nhiên không gây mất trật tự tại địa phương;

2. Hiện ông T và bà A không còn sống chung, ly thân khoảng 1-2 năm nay."

Do vậy, có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa bà A, ông T phát sinh kéo dài; cả hai đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà Đặng Việt Loan A và ông Nguyễn Văn T đều xác nhận không có con chung.

[3.3] Về tài sản: Bà Đặng Việt Loan A và ông Nguyễn Văn T đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung.

[3.4] Về nợ chung: Bà Đặng Việt Loan A và ông Nguyễn Văn T đều xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với phân tích, nhận định trên.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Việt Loan A được ly hôn với ông Nguyễn Văn T (Giấy chứng nhận kết hôn số 121/2015, Quyển số 01/2015 ngày 19/11/2015 đăng ký tại UBND phường Q, quận B).

1.2. Về quan hệ con chung: Bà Đặng Việt Loan A và ông Nguyễn Văn T không có con chung.

1.3. Về tài sản chung: Bà Đặng Việt Loan A và ông Nguyễn Văn T không có tài sản chung.

1.4. Về nợ chung: Bà Đặng Việt Loan A và ông Nguyễn Văn T không có nợ chung.

1.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Việt Loan A phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0025533 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, vậy bà Đặng Việt Loan A đã nộp đủ án phí.

2. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (Hoa).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thuần Phong